TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/DS-PT
Ngày 28-4-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Khánh

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay và góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 108a/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân huyện TT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 20B/1 ấp LT, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Thu N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp AH 1, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Bùi Minh V – Luật sư Văn phòng Luật sư Xuân Nghĩa thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G và bị đơn chị Bùi Thị Thu N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G trình bày: Ngày 22/4/2018, bà G cho bà Nga vay 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng, thời hạn vay không xác định, khi bên cho vay muốn lấy lại vốn thì báo cho bên vay trước 10 ngày, hai bên có làm giấy nợ. Sau khi vay, bà Nga có trả cho bà G mỗi tháng 4.000.000đ tiền lãi, thời gian trả từ tháng 5/2018 đến tháng 02/2019 thì bà Nga ngưng trả lãi.

Ngày 09/9/2018, bà Nga vay 50.000.000đ lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng, thời hạn vay không xác định. Khi bên cho vay muốn lấy lại vốn thì báo cho bên vay trước 15 ngày, hai bên có làm giấy nợ. Sau khi vay bà Nga có trả tiền lãi mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian trả lãi từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2019 thì ngưng.

Ngày 28/02/2019, bà Nga vay 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng, thời hạn vay không xác định. Khi nào bên cho vay muốn lấy lại vốn thì báo cho bên vay trước 10 ngày, hai bên có làm giấy nợ. Sau khi vay bà Nga có trả cho bà G một tháng tiền lãi là 1.000.000đ.

Ngoài ra, bà G có tham gia chơi 07 dây hụi do bà Nga làm chủ hụi, hụi hoa hồng và có lãi, trong danh sách hụi viên bà Nga ghi tên là "Gái 10 la", cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000đ, khui lần đầu là ngày 05/11/2017, mỗi tháng khui một lần, hụi có tổng 20 phần, bà G tham gia 04 phần. Bà G đã đóng được 17 kỳ hụi, mỗi kỳ đóng 3.200.000đ cho 04 phần hụi vì bà Nga bao theo mức thăm chết là 200.000đ, đóng 800.000đ/phần. Tổng số tiền bà G đã đóng cho dây hụi này là 54.400.000đ.

Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000đ, khui lần đầu là ngày 30/7/2018, mỗi tháng khui một lần, hụi có tổng 20 phần, bà G tham gia 04 phần. Bà G đã đóng được 08 kỳ hụi, mỗi kỳ đóng 3.200.000đ cho 04 phần hụi vì bà Nga bao theo mức thăm chết là 200.000đ, đóng 800.000đ. Tổng số tiền bà G đã đóng dây hụi này là 25.600.000đ.

Dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000đ, hụi khui lần đầu là ngày 15/3/2018, mỗi tháng khui một lần, hụi có tổng 21 phần, bà G tham gia 06 phần, đã hốt 01 phần còn 05 phần chưa hốt. Bà G đóng hụi được 12 kỳ hụi, mỗi kỳ đóng 4.800.000đ cho 06 phần vì bà Nga bao giá chết, tổng số tiền đã đóng là 57.600.000đ. Kỳ hụi thứ 13 thì bà G hốt 01 phần, trừ 05 phần hụi sống của bà G thì số tiền hụi được hốt là 14.400.000đ, trừ tiền hoa hồng là 350.000đ, bà Nga đã giao đủ số tiền hụi là 14.050.000đ. Hụi này khui được 13 kỳ thì ngưng do bà Nga chết. Về phần hụi chết thì bà G hốt được 14.050.000đ trừ đi 12 kỳ hụi sống bà đóng là 9.600.000 đ thì bà

G trả lại cho bà Nga số tiền 4.450.000đ, trừ vào số tiền hụi sống bà G đã đóng được là 57.600.000đ, số tiền còn lại bà G yêu cầu bà N phải trả 53.550.000 đ.

Dây hụi thứ tư: Hụi giá 1.000.000đ, khui lần đầu là ngày 10/02/2019, mỗi tháng khui một lần, dây hụi này mới mở nên bà Nga chưa cho biết có bao nhiêu phần, bà G tham gia chơi 06 phần. Hụi này bà G đã đóng được 02 kỳ, mỗi kỳ đóng 4.800.000đ cho 06 phần vì bà Nga bao giá chết, tổng số tiền đóng 9.600.000đ. Bà G được biết bà Nga có lập sổ cái ghi chép về các dây hụi do bà Nga làm, khi điều tra vụ án bà Nga bị giết, Công an tỉnh Long An có thu giữ sổ hụi. Bà G yêu cầu bà N phải trả lại số tiền hụi đã đóng là 9.600.000đ.

Dây hụi thứ năm: Hụi 5.000.000đ, hụi khui lần đầu là ngày 05/6/2017 (âl), ba tháng khui một lần, hụi có tổng 15 phần, bà G tham gia 02 phần. Hụi này bà G đã đóng được 05 kỳ, mỗi kỳ đóng 7.400.000đ cho 02 phần vì bà Nga bao bỏ giá chết là 1.300.000đ (đóng 3.700.000đ/phần), số tiền hụi bà G đã đóng là 37.000.000đ. Kỳ hụi thứ 06 bà G hốt 01 phần, trừ đi 01 phần hụi sống còn lại của bà G, số tiền hốt được là 53.100.000đ (05 phần chết, 08 phần sống), trừ tiền huê hồng là 1.500.000đ, số tiền bà Nga đã giao là 56.800.000đ. Bà G tiếp tục đóng 02 kỳ hụi, trong đó phần hụi chết đóng 02 kỳ là 10.000.000 đ, phần hụi sống đóng 02 kỳ là 7.400.000đ. Về phần hụi chết, bà G đã hốt được 53.100.000đ trừ đi 05 kỳ hụi sống đã đóng là 18.500.000đ và 02 kỳ hụi chết đã đóng là 10.000.000đ, số tiền chênh lệch là 24.600.000đ, trừ vào số tiền bà G đóng 01 phần hụi sống là 37.000.000đ, số tiền còn lại bà G yêu cầu bà N phải trả là 12.400.000đ.

Dây hụi thứ sáu: Hụi 3.000.000đ, khui lần đầu là ngày 15/11/2016, hụi hai tháng khui một lần, có tổng 17 phần. Trong dây hụi này bà G đã hốt hết 02 phần. Bà G đóng được 04 kỳ hụi sống, mỗi kỳ đóng 4.600.000đ cho 02 phần hụi, tổng số tiền đóng là 18.400.000đ. Đến kỳ thứ 05 thì bà G hốt 01 phần hụi được số tiền là 38.600.000đ, trừ 01 phần hụi sống của bà G chưa hốt, bà Nga đã giao cho bà G số tiền 36.300.000đ đã trừ 1.000.000đ hoa hồng. Sau khi hốt 01 phần hụi chết bà G tiếp tục đóng thêm 08 kỳ hụi, trong đó 01 phần hụi sống đóng được tổng số tiền là 18.400.000đ, 01 phần hụi chết đóng được tổng số tiền là 24.000.000đ. Đến kỳ thứ 14, bà G hốt phần hụi còn lại bà Nga đã giao cho bà G 41.900.000đ (đã trừ phần hụi chết bà G đã hốt, trừ tiền huê hồng 1.000.000đ). Tiếp tục đóng được 01 kỳ hụi chết cho 02 phần là 6.000.000đ. Sau khi tính tổng số tiền hụi bà Nga đã giao là 78.200.000đ. Tổng số tiền hụi bà G đóng được là 66.800.000đ bà G đồng ý trả cho bà Nga là 11.400.000đ.

Dây hụi thứ bảy: Hụi 3.000.000đ, khui lần đầu là ngày 20/12/2018, hụi hai tháng khui một lần, dây hụi này mới nên bà Nga chưa cho biết hụi có tổng bao nhiêu phần, bà G chơi 03 phần. Trong dây hụi này bà G đã đóng hụi được 02 kỳ, mỗi kỳ đóng 6.900.000đ cho 03 phần hụi vì bà Nga bao giá chết là bỏ 700.000đ

đóng 2.300.000đ/phần. Tổng số tiền bà G đóng là 13.800.000đ và bà G được biết bà Nga có lập sổ cái ghi chép về dây hụi này và Công an tỉnh Long An có thu giữ sổ này để phục vụ việc điều tra. Nay bà G yêu cầu bà N phải trả lại số tiền hụi đã đóng là 13.800.000đ.

Bà G khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Thu N là con của bà Nga phải trả cho bà G 300.000.000đ tiền gốc vay và 18.000.000đ tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện, tiền lãi tiếp tục yêu cầu đến khi xét xử vụ án. Về tiền hụi, bà G yêu cầu bà N phải trả tổng số tiền là 157.950.000đ và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, bà G yêu cầu bà N trả tiền vay và lãi theo quy định của pháp luật tính từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm, tiền hụi bà G yêu cầu trả vốn góp.

Bị đơn Bùi Thị Thu N trình bày tại các bản tự khai đề ngày 05/7/2019, 12/8/2019 và ngày 30/10/2019 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị G, bởi các lý do sau:

Thứ nhất, về 03 giấy nợ do bà G cung cấp cho Tòa án, trước đây chị N có ý kiến không phải là chữ viết và chữ ký của bà Trần Thị Thu Nga và cũng không có căn cứ nào chứng minh bà Nga đã ký nhận tiền vay. Nay bên bà G đã yêu cầu trưng cầu giám định và kết luận giám định là chữ ký và chữ viết là của bà Nga, chị N không phản đối kết quả giám định. Tuy nhiên, chị N có ý kiến là tài sản của bà Nga để lại tới đâu chị N chịu trách nhiệm trong phạm vi tài sản của bà Nga để lại đối với khoản tiền vay.

Thứ hai, trong 06 dây hụi có ghi danh sách hụi viên mà bà G cung cấp không ghi đầy đủ họ, tên và ngày tháng năm sinh, địa chỉ thường trú, chữ ký của các hụi viên, chữ ký và họ tên chủ hụi nên không thể xác định được mỗi dây hụi có bao nhiêu hụi viên, chị N yêu cầu bà G phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hụi viên tham gia chơi hụi của từng dây hụi và những người này phải tham gia giải quyết.

Thứ ba, trong 06 tờ giấy ghi số tiền đóng hụi, tiền lời thì về nội dung và hình thức không thể hiện rõ từng dây hụi, ngày mở hụi, ngày kết thúc hụi, các lần đóng hụi, nhận hụi, trả tiền lời, chữ ký các bên đã giao dịch, hụi sống, hụi chết nên không xác định được số tiền bà G đã đóng hụi, hốt hụi và việc trả tiền lời như thế nào. Chị N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tiền hụi của bà G do hụi bà Nga làm chủ chị N không biết rõ, không biết có bà G tham gia chơi hay không và quá trình chơi hụi diễn ra như thế nào. Đề nghị bà G phải chứng minh về việc góp hụi.

Ngày 28/5/2019, bà Nguyễn Thị G khởi kiện.

Ngày 15/7/2019, bà Nguyễn Thị G khởi kiện bổ sung ba phần hụi ngày 20/12/2018 dl là 13.800.000đ.

Ngày 12/6/2019, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 108a/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân huyện TT đã áp dụng Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 372, 422, 466, 468, 471, 615 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 14, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với chị Bùi Thị Thu N về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Buộc chị Bùi Thị Thu N phải trả cho bà Nguyễn Thị G các khoản nợ của bà Trần Thị Thu Nga gồm:

Tiền vay là 300.106.200 đồng, trong đó gốc vay là 291.620.000 đồng và tiền lãi là 8.486.000 đồng.

Tiền hụi là 119.200.000 đồng.

Chị Bùi Thị Thu N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà Trần Thị Thu Nga để lại đối với các khoản nợ nêu trên.

2 Về chi phí giám định: Chị Bùi Thị Thu N phải trả bà Nguyễn Thị G số tiền là 4.800.000 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị G đòi tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 34.854.445 đồng và 13.800.000 đồng tiền hụi của dây hụi 3.000.000đ, khui ngày 20/12/2018.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Thu N phải chịu 20.772.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị G phải chịu 2.432.700 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 11.727.000 đồng theo biên lai thu số 0001977 ngày 11/6/2019 và biên lai thu số 0004598 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT. Hoàn trả bà G số tiền còn thừa là 9.294.300 đồng.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11/12/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu buộc chị N trả khoản tiền hụi dây hụi ngày 15/12/2018 số tiền là 13.800.000đ và lãi vay 34.854.455 từ ngày bà Nga chết đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngày 11/12/2019, bị đơn Bùi Thị Thu N kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Toà phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo; bị đơn chị N không thay đổi nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Đối với khoản tiền hụi, bà có tham gia chơi dây hụi 3.000.000đ ngày 15/12/2018, hụi có 18 phần, hai tháng khui một lần. Giá chết 700.000đ, hoa hồng 1.000.000đ. Bà G tham gia 3 phần tên Gái 10 La. Khui lần đầu ngày 15/12/2018, hụi bỏ 700.000đ bà G đã đóng 3 phần là 6.900.000đ; Khui lần hai 15/02/2019 hụi bỏ 700.000đ bà G đóng 3 phần là 6.900.000đ. Dây hụi này người hốt đầu tiên là bà Bé Tám - chị ruột bà Nga; hốt lần hai là bà Hảnh. Chứng cứ là phơi hụi bản chính ghi ngày 15/12/2018 có bút tích bà Nga ghi. Theo đơn khởi kiện bà nhớ không chính xác nên ghi là 20/12/2018 nên không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận xem xét.

Ngoài ra, bà Nga có nợ tiền vay là 300.000.000đ, yêu cầu trả lãi vay từ ngày bà Nga chết đến ngày xét xử sơ thẩm là 34.854.455 nhưng không được tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Phía chị N không thừa nhận tiền hụi, đề nghị chị N đem tất cả các sổ sách do cơ quan Công an giao trả cho chị N giữ để đối chiếu vì toàn bộ việc chơi hụi và vay mượn bà Nga có theo dỏi trong các sổ sách. Khi khui hụi bà Nga báo người hốt và mức hụi chết là 700.000đ bà Nga bao mức này.

Bị đơn chị Bùi Thị Thu N trình bày kháng cáo: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G buộc chị phải có nghĩa vụ trả cho bà G tiền vốn vay, lãi suất 300.106.000đ và tiền hụi 119.200.000đ là không khách quan, bất lợi cho chị. Đối với ba phần hụi bà G tham gia ngày 15/12/2018 nhìn nét chữ thấy rất phổ thông, chị không khẳng định là của bà Nga nhưng không yêu cầu giám định. Bà G chơi hụi phải biết hụi có bao nhiêu người tham gia, các kỳ khui hụi như thế nào chứ không thể chỉ nghe lời bà Nga thông báo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị N tranh luận: Việc vay và chơi hụi giữa bà Nga và bà G, chị N không bảo lãnh nên không thể kiện chị N. Hơn nữa, mẹ bà Nga mới chết sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Đối với khoản tiền vay trước khi bà Nga bị giết, mặc dù có chốt nợ vay nhưng số tiền vay ngày 28/02/2019, bà Nga không ký nhận.

Đối với số tiền hụi dù có các phơi hụi nhưng không ghi cụ thể số tiền bỏ ra để hốt hụi của các lần khui hụi, chỉ ghi giá chết. Bà G khởi kiện không cung cấp được chứng cứ rõ ràng các phơi hụi một cách cụ thể. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền của mình. Tại phiên tòa, các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Kháng cáo của đương sự đúng quy định của pháp luật được chấp nhận xem xét. Đối với số tiền vay, số tiền vay ghi trong giấy được giám định đúng là chữ viết của bà Nga. Tiền đã trả được điều chỉnh vào nợ gốc vay nên án sơ thẩm buộc trả là phù hợp quy định của pháp luật. Bà G yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử là không đúng theo quy định tại Điều 372 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với nợ hụi, qua đối chiếu nợ hụi và các khoản vay có liên quan với nhau. Trong các phơi hụi có giấy là bản pho to nhưng phù hợp với các chứng cứ khác, án sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Đối với ba phần hụi bà G kháng cáo theo phơi hụi ghi ngày 15/12/2018 nhưng trong đơn kiện ghi ngày 20/12/2018 là mâu thuẫn nên Tòa án cấp sơ thẩm bác là có cơ sở. Về người thừa kế của bà Nga, ông Tiệp có chung sống như vợ như chồng với bà Nga nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng. Hiện chị N là thừa kế nên có nghĩa vụ trong phạm vi thừa hưởng di sản của bà Nga. Chị N không thừa nhận nhưng không đưa ra các sổ sách theo dõi vệc chơi hụi do chị giữ để đối chiếu. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G và bị đơn chị Bùi Thị Thu N kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng góp hụi là những tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý và xét xử sơ thẩm là đúng quy định. Tuy nhiên, trong vụ án này nguyên đơn kiện người thừa kế của bà Nga nên cần xác định thêm quan hệ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

[1.3] Về tư cách tố tụng,

Bà G khởi kiện chị N thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại do chị N là con của bà Nga thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, thời điểm bà Nga chết, mẹ bà Nga là cụ Phùng Thị Bản cùng là hàng thừa kế thứ nhất còn sống. Cấp sơ thẩm thụ lý ngày 12/6/2019 đến ngày 01/7/2019 cụ Bản chết nhưng cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế chuyển tiếp cũa cụ Bản tham gia tố tụng để làm rõ nghĩa vụ của người thừa kế là xác định thiếu tư cách tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G xác định chỉ kiện bà N thực hiện nghĩa vụ của bà Nga để lại trong phạm vi được hưởng thừa kế, không kiện các thừa kế khác nếu có. Do đó, không cần thiết hủy án sơ thẩm để xác định lại đầy đủ diện và hàng thừa kế nhằm đảm bảo quyền lợi của bà G và đương sự khác nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với ông Bùi Văn Tiệp chung sống với bà Nga như vợ như chồng sau ngày 01/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận. Án sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách liên quan là đúng.

[1.4] Phạm vi xét xử phúc thẩm: Áp dụng Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phạm vi có kháng cáo và những nội dung khác có liên quan đến kháng cáo.

[2] Về kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị G.

[2.1] Thứ nhất, về khoản tiền hụi.

Bà G kháng cáo cung cấp phơi hụi bản chính có tiêu đề "Giấy hụi ba triệu 15/12/2018" yêu cầu xem xét buộc chị N thực hiện nghĩa vụ của bà Nga. Căn cứ vào danh sách hụi viên trong phơi hụi thể hiện dây hụi 3.000.000đ có 18 người tham gia. Bà G tham gia 3 phần, hụi chết 700.000đ, hụi mở hai kỳ vào ngày 15/12/2018 và ngày 15/02/2019. Người hốt hụi đầu tiên là Bé Tám và người hốt lần hai là bà Hảnh. Mặc dù trong danh sách hụi viên không ghi số tiền bỏ hụi nhưng có ghi hụi chết là 700.000đ; cò 1.000.000đ nên trình bày của bà G rằng bà đã góp hụi hai kỳ 13.800.000đ là có cơ sở. Trình bày của bà G cũng phù hợp các dây hụi 3.000.000đ trước đó khui ngày 15/11/2016. Hai dây hụi này, bà G đóng mỗi kỳ 2.300.000đ, hai kỳ là 4.600.000đ. Do đó, bà G yêu cầu trả tiền hụi đã góp 13.800.000đ là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà G.

Chị N không chấp nhận dây hụi do bà G đưa ra nhưng không yêu cầu giám định cũng không đưa ra được chứng cứ gì khác nên Tòa chấp nhận chứng cứ do bà G cung cấp. Xác định tiền hụi của bà G là 119.200.000đ + 13.800.000đ = 133.000.000đ. Buộc chị N phải chịu trách nhiệm của người chết để lại trong phạm vị được hưởng.

[2.2] Thứ hai, về lãi suất.

Bà G yêu cầu tính lãi trên số tiền bà Nga còn nợ vay 300.000.000đ từ ngày bà Nga chết đến ngày xét xử sơ thẩm là 34.854.455đ nhưng bà G thừa nhận trong khoản tiền vay chốt với bà Nga đã có trả lãi. Do lãi các bên thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm điều chỉnh lãi suất vẫn nằm trong số tiền sau khi chốt nợ nên không có căn cứ tính lãi theo yêu cầu của bà G.

Đối với kháng cáo yêu cầu tính lãi suất từ khi xét xử sơ thẩm đến khi xét xử phúc thẩm hiện nay chưa có quy định về việc này nên không có cơ sở pháp lý chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo này của bà G.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn Bùi Thị Thu N

Xét bà Nga mất đột ngột nhưng giữa bà Nga và bà G đã có đối chiếu khoản tiền vay, riêng tiền hụi được thể hiện qua các phơi hụi do hụi viên cung cấp nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G. Quá trình tố tụng chị N không đồng ý nhưng không cung cấp các giấy tờ sổ sách do bà Nga để lại để đối chiếu, chứng

minh. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị N kháng cáo cho rằng không khách quan nhưng không chỉ ra được không khách quan ở điểm nào trong khi sổ sách giấy tờ chị N giữ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của chị N và tranh tụng của Luật sư.

[4] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ khi phát biểu không chấp nhận khoản tiền lãi của số tiền vay nhưng số tiền hụi cho rằng không khớp với đơn khởi kiện và chưa được đối chất đề nghị bác là không đảm bảo quyền lợi của bà G. Vì theo đơn kiện ngày 26/5/2019 tuy bà G ghi dây hụi ngày 20/12/2018 còn phơi hụi là 15/12/2018 là không khớp nhưng thực tế theo phơi hụi ngày 15/12/2018 bà G có tham gia 3 phần và hụi đã khui 2 kỳ nên số tiền thực đóng là 13.800.000đ là có cơ sở.

Từ nhận định ở mục [2], [3], [4], chấp nhận một phần kháng cáo của bà G, không chấp nhận kháng cáo của chị N và đề nghị của Luật sư, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án án phí: tiền vay 300.106.200 đ x 5% = 15.005.300đ. tiền hụi 133.000.000 đ x 5% = 6.650.000đ. Cộng chung 21.655.300đ được trừ vào di sản do bà Nga để lại trước khi chia thừa kế. Án sơ thẩm buộc chị N phải chịu trong phạm vi được thừa kế là không chính xác vì đây là nghĩa vụ của người chết.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bà G không phải chịu, hoàn trả tạm ứng. Chị N phải chịu nhưng được trừ tiền tạm ứng đã nộp.

[7] Đối với chi phí giám định, do chị N không thừa nhận chữ viết của bà Nga nên án sơ thẩm buộc chị N chịu theo Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[8] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị G

Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Thu N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 108a/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT.

Căn cứ các điều: Điều 372, Điều 422, Điều 466, Điều 468, Điều 471 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015; Điều 14, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày

27/11/2006 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với chị Bùi Thị Thu N về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Buộc chị Bùi Thị Thu N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà Trần Thị Thu Nga để lại đối với bà Nguyễn Thị G, gồm các khoản nợ của bà Trần Thị Thu Nga như sau:

1.1.Tiền vay là 300.106.200 đồng, trong đó gốc vay là 291.620.000 đồng và tiền lãi là 8.486.000 đồng.

1.2. Tiền hụi là 133.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị G đòi tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 34.854.445 đồng.

3.Về chi phí giám định: Chị Bùi Thị Thu N phải chịu và nộp trả bà Nguyễn Thị G số tiền là 4.800.000 đồng

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm 21.655.300đ đồng được lấy từ tài sản do bà Trần Thị Thu Nga để lại.

Bà Nguyễn Thị G phải chịu 1.742.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp là 11.727.000 đồng theo biên lai thu số 0001977 ngày 11/6/2019 và biên lai thu số 0004598 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT. Hoàn trả bà Nguyễn Thị G số tiền còn thừa là 9.984.300 đồng.

Bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.Hoàn trả cho bà G 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004862 ngày 13/12/20119 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

Chị Bùi Thị Thu N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu số 0004841 ngày 11/12/20119 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quán

Thành viên Hội đồng xét xử | **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Khánh – Phùng Thị Cẩm Hồng | **Trần Văn Quán**